



## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên hóa chất: **DIISONONYL PHTHALATE**

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

**a) Nhận dạng:**

- Tên thường gọi: Chất hóa dẻo DINP
- Tên thương mại và mã số CAS:

Tên thương mại	Mã số CAS
1,2- Benzenedicarboxylic acid, □ di-C8-10- branched alkyl ester, C9-rich	68515-48-0

- Số UN: Chưa có thông tin
- Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

**b) Mục đích sử dụng:**

- Dùng làm chất hóa dẻo trong ngành nhựa

**c) Thông tin nhà cung cấp:**

- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA
- Đ/c: Đường số 4, KCN Gò Dầu, Phước Thái, Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ĐT: + 84-251-3 841 241
- FAX: +84-251-3 841 230

**d) Số liên lạc trường hợp khẩn cấp:**

- ĐT: + 84- 251-3 841 241

### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM

**a) Phân loại**

- Theo GHS: Chưa có thông tin

**b) Các yếu tố nhãn theo GHS:**

- Hình đồ cảnh báo: Chưa có thông tin
- Từ cảnh báo: Chưa có thông tin
- Cảnh báo nguy hại: Chưa có thông tin
- Cảnh báo phòng ngừa: Chưa có thông tin
- Cảnh báo ứng phó Y tế: Chưa có thông tin

- Cảnh báo lưu giữ: Chưa có thông tin
- Cảnh báo xử lý: Chưa có thông tin

**c) Các thông tin nguy hại khác:**

- Theo NFPA: Sức khỏe= 0; Lửa= 1; Phản ứng= 0 (Cấp độ chia tăng dần từ 0 đến 4)

**Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng:**

- DINP là chất lỏng như dầu, không màu.
- Mang bảo hộ lao động thích hợp khi làm việc
- Tránh hít thở vào người hay hơi sương của DINP. Tránh dấy vào mắt, da và quần áo. Phải rửa tay sau khi tiếp xúc. Đóng kín các thùng chứa, chỉ làm việc trong môi trường thông thoáng thích hợp.

### 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

- Là Đơn chất
- Tên thông thường: Chất hóa dẻo DINP

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Khối lượng phân tử (g/mol)	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
<b>Diisononyl phthalate</b>	<b>68515-48-0</b>	<b>C<sub>26</sub>H<sub>42</sub>O<sub>4</sub></b>	<b>418,6</b>	<b>99.5% min</b>

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

**a) Biện pháp sơ cứu ứng với các đường phơi nhiễm:**

- **Đường Mắt:** Rửa thật kỹ bằng nước sạch ít nhất 15- 20 phút cho đến khi không còn dấu hiệu của hóa chất. Sau đó tham khảo ý kiến của bác sỹ hay đưa đến bác sỹ ngay.

- **Đường da:** Cởi bỏ quần áo dính hóa chất, rửa thật nhiều bằng xà bông ít nhất 15- 20 phút cho đến khi không còn dấu hiệu của hóa chất

- **Đường hô hấp:** Khi phơi nhiễm với lượng lớn hơi sương hóa chất, đưa bệnh nhân ra khỏi khu vực nhiễm hóa chất đến nơi thông thoáng, hô hấp nhân tạo nếu cần, giữ ấm cơ thể và nghỉ ngơi, chở đến bệnh viện nếu cần

- **Đường tiêu hóa:** Tham khảo bác sỹ tư vấn liệu có cần phải làm cho nôn hay không. Súc miệng bằng nước ngay lập tức

**b) Các triệu chứng tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:** Chưa có thông tin

**c). Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết:** Thông báo cho nhân viên y tế về các tình huống bị ô nhiễm và yêu cầu họ thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

**a) Các phương tiện chữa cháy:**

- Xếp loại về tính cháy: Khó cháy
- Bình bột cứu hỏa loại BC, Nước, Cát, Bột chữa cháy chuyên dụng. Huấn luyện PCC hằng năm bởi công an PCCC tỉnh

**b) Các chất độc sinh ra khi bị cháy:**

Chưa có thông tin

**c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:**

- Quần áo bảo hộ lao động, Quần áo chữa cháy, mặt nạ phòng độc.
- Xem xét hướng gió khi chữa cháy Tránh hít hơi khí, bụi, khói
- Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Chưa có thông tin.

## 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

**a) Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó:**

- Xem xét hướng gió khi xử lý
- Dùng rò rỉ nếu bạn có thể làm điều đó mà không có rủi ro.
- Di chuyển thiết bị chứa đến khu vực an toàn nếu không có rủi ro.
- Xử lý các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ
- Không để nước trực tiếp tràn hoặc nguồn rò rỉ

**b) Cảnh báo về môi trường:**

- Không khí: Chưa có thông tin
- Đất: Chưa có thông tin
- Nước ngầm: Lưu trữ tránh xa nguồn nước cấp và điểm xả nước thải
- Ngăn chặn dòng chảy và tiếp xúc với đường thủy, cống hoặc cống rãnh.
- Nếu số lượng lớn đã bị đổ, thông báo cho các cơ quan có liên quan.

**c) Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:**

- Dùng 6 thùng Cát, Giẻ tại các khu vực để bao vây cô lập khu vực tràn đổ. Thu hồi tái sử dụng, Hấp thụ bằng cát hay giẻ và thu gom vào kho Chất thải nguy hại của nhà máy
- Dùng xà bông vệ sinh lại khu vực đến khi không còn dấu hiệu của hóa chất

## 7. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

**a) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:**

- Đọc kỹ tài liệu thông tin và hướng dẫn an toàn trước khi sử dụng
- Thông thoáng môi trường làm việc. Trang bị đồ bảo hộ lao động thích hợp, Hệ thống điện chống cháy nổ, Hệ báo cháy tự động. Vận chuyển an toàn.

**b) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:**

- Kiểm tra rò rỉ thường xuyên. Không sử dụng thiết bị chứa bị hư hỏng.
- Không sử dụng nhiệt trực tiếp. Không gây ra bất kỳ cú sốc vật lý nào cho thiết bị chứa
- Đậy kín kín khi không sử dụng.

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### a) Các thông số kiểm soát:

- Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp- OSHA PEL: Chưa có thông tin
- Ngưỡng giới hạn sinh học: Chưa có thông tin

#### **Ghi chú:**

+ TLV – TWA (Thường viết gọn = TWA): Giới hạn phơi nhiễm trung bình đo trong 8h (Threshold Limit Value- Time weighted average)

+ TLV- STEL (Thường viết gọn = STEL): Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn 15 phút (Threshold Limit Value Short Time Exposure Limit)

### b) Các biện pháp kiểm soát thiết bị

- Nên sử dụng hệ thống khí thải cục bộ để ngăn chặn sự phân tán của hóa chất vào khu vực làm việc

### c) Các phương tiện bảo hộ cá nhân:

- Bảo vệ mặt và đường hô hấp: Mặt nạ chống hóa chất
- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ lao động thích hợp
- Bảo vệ tay: găng tay các loại
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng

## 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

a) **Trạng thái vật lý:** Là chất lỏng. Không màu

b) **Mùi:** Hầu như không mùi

c) **Ngưỡng mùi:** Chưa có thông tin

d) **Độ pH:** 7

đ) **Điểm đông/ tan chảy (°C):** -48

e) **Điểm sôi (°C):** 252

g) **Điểm cháy- Flash point (°C):** 201

h) **Tỷ lệ bay hơi:** Chưa có thông tin

i) **Phân loại cháy (OSHA):** Chưa có thông tin

k) **Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):** Chưa có thông tin

- l) Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):** Chưa có thông tin
- m) Áp suất hóa hơi (mm Hg):** 0.0001 kPa (<0.001 kPa at 38°C)
- n) Độ hòa tan trong nước:** < 1% thể tích tại 20<sup>0</sup> C
- o) Tỷ trọng hơi ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (Không khí = 1):** 10
- p) Khối lượng riêng (kg/lít):** 0.974 tại 20<sup>0</sup> C
- q) Nhiệt độ tự cháy (°C):** 260
- r) Nhiệt độ phân hủy:** Chưa có thông tin
- s) Độ nhớt:** 76 cP ở 20 độ C
- t) Khối lượng phân tử (g/mol):** 418,6

## 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

**a) Khả năng phản ứng:**

- Theo NFPA khả năng phản ứng = 0

**b) Tính ổn định:**

- Ổn định và bền ở nhiệt độ và áp suất thường

**c) Các phản ứng nguy hiểm (Ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh):**

- Phản ứng trùng hợp: Có những phản ứng trùng hợp nhưng chưa thấy xảy ra ở nhiệt độ và áp suất thường

**d) Các điều kiện cần tránh:**

- Tránh tiếp xúc với các vật liệu và điều kiện không tương thích.
- Tránh: Tích lũy điện tĩnh, gia nhiệt, ngọn lửa và bề mặt nóng

**đ) Vật liệu không tương thích:** Chưa có thông tin

**e) Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy:**

- Khi phân hủy nhiệt, có thể tạo ra các khí độc.

## 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**a) Thông tin về các đường phơi nhiễm:**

- Đường Hô hấp: Chưa có thông tin
- Đường tiêu hóa: Chưa có thông tin
- Tiếp xúc ngoài da: Chưa có thông tin
- Tiếp xúc mắt: Chưa có thông tin

**b) Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại:**

- Chưa có thông tin

**c) Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và ảnh hưởng mãn tính:**

- Độc tính cấp tính:

+ Nuốt phải: LD50 > 9800 / kg Chuột

+ Tiếp xúc da: LD50 > 3160 / kg Thỏ

+ Hít phải: Hơi LC50 > 4,4 mg / l Chuột

- Kích ứng / ăn mòn da: Chưa có thông tin

- Kích ứng và hư hỏng mắt: Chưa có thông tin

- Nhạy cảm về hô hấp: Chưa có thông tin

- Nhạy cảm về da: Chưa có thông tin

- Tính gây ung thư: Chưa có thông tin

- Gây đột biến tế bào: Chưa có thông tin

- Độc tính sinh sản: Chưa có thông tin

- Độc tính tiếp xúc một lần: Chưa có thông tin

- Độc tính tiếp xúc nhiều lần: Chưa có thông tin

**d) Những thông số về độc tính:** Chưa có thông tin

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

**a) Độc môi trường:**

**Cá:** LC50 = 0,14 mg/lit trong 96h

- **Động vật Giáp xác:** EC50 = 74 mg/l trong 48h

- **Tảo:** EC50 = 2,8 mg/l trong 96h

**b) Tính bền vững và khả năng phân hủy:**

- Tính bền vững: Kow = 8,8-9,7

- Khả năng phân hủy: Chưa có thông tin

**c) Khả năng tích lũy sinh học:**

- Khả năng tích lũy sinh học: BCF 0,46

- Khả năng phân hủy sinh học: 81% trong vòng 28 ngày ở điều kiện Yếm khí hay 99% trong vòng 28 ngày ở điều kiện Hiếu khí

- Khả năng trầm tích: Chưa có thông tin

**d) Độ linh động trong đất:** Chưa có thông tin

**đ) Các tác hại khác:** Chưa có thông tin

## 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

- DINP thải bỏ được thu gom tái xử lý
- Các chất hấp thụ DINP là chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, tồn trữ và chuyển giao đơn vị có chức năng xử lý
- Bao bì chứa DINP được thu gom vệ sinh tái sử dụng

#### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

- a) **Số UN:** Chưa có thông tin
- b) **Tên phương tiện vận chuyển đường biển:** Chưa có thông tin
- c) **Loại nhóm hàng nguy hiểm:** Không (Theo phụ lục 1, Nghị định 104/2009/NĐ-CP)
- d) **Quy cách đóng gói:**
- Phuy 200 kg
  - Tote tank 1,000 kg
  - Xe bồn 13 tấn
  - Xe ISO tank 20 tấn – Container 20 tấn (Flexibag)
- đ) **Độc môi trường:** Chưa có thông tin
- e) **Vận chuyển trong tàu lớn:** Chưa có thông tin
- g) **Những cảnh báo đặc biệt:** Chưa có thông tin

#### 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

- a) **Thông tin về an toàn:**
- Luật an toàn vệ sinh lao động: 84/2015/QH 13 và các Nghị định, thông tư liên quan
- b) **Thông tin về sức khỏe:**
- Luật hóa chất: 06/2007/QH 12 và các Nghị định, thông tư liên quan
- c) **Thông tin về môi trường:**
- Luật Bảo vệ môi trường: 55/2014/ QH 13 và các Nghị định, thông tư liên quan

#### 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tên tổ chức, cá nhân biên soạn: Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA  
Ngày biên soạn lần đầu: 30/07/2019  
Ngày sửa đổi bổ sung mới nhất: 01/11/2021